TẠP CHÍ
KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Uỷ viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyền
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè
ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ **Số 01 năm 2025** **Năm thứ mười tám**

Mục lục

1. Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến

2. Bàn về quy định "chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật" theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án **13**
Nguyễn Hữu Hưng

3. Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**
Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh

4. Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam **29**
Đoàn Ngọc Phúc

5. Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu **40**
Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu

6. Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**
Nguyễn Văn Toại

7. Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**
Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc

8. Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt **65**
Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn

9. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang **76**
Nguyễn Lan Duyên

10. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng

11. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**
Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân

12. Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay **108**
Võ Văn Dũng

13. Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới **115**
Phạm Đi

14. Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam **123**
Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh

15. Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**
Ngô Văn Minh

16. Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng **140**
Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024
Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 04/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review **No. 01, 2025** **The 18th Year**

Contents

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation **3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen

2. Discussion on the provision "the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied" stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**
Nguyen Huu Hung

3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province **19**
Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh

4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam **29**
Doan Ngoc Phuc

5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance..... **40**
Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu

6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**
Nguyen Van Toai

7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**
Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc

8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective **65**
Le Chi Cong, Nguyen Nam Son

9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**
Nguyen Lan Duyen

10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang

11. Factors affecting the healing process of Gen Z. **97**
Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien,Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran

12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam **108**
Vo Van Dung

13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**
Pham Di

14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**
Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh

15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century **132**
Ngo Van Minh

16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**
Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach

Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam

Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên
Trần Ngọc Ánh
Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam
Email liên hệ: hoanghonghiep@gmail.com

Tóm tắt: Khu vực biên giới đất liền của tỉnh Quảng Nam bao gồm hai huyện Tây Giang và Nam Giang giáp với tỉnh Sê Kông (CHDCND Lào), không chỉ giữ vai trò chiến lược trong quốc phòng – an ninh mà còn sở hữu tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp gắn với phát triển cây dược liệu. Thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm phát triển ngành dược liệu theo hướng bền vững. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển kinh tế dược liệu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam vẫn còn nhiều bất cập. Bài viết này tập trung phân tích tiềm năng, triển vọng và thực trạng phát triển kinh tế dược liệu tại vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam. Trên cơ sở đó, nhận định các vấn đề đặt ra và gợi mở một số giải pháp phát triển kinh tế dược liệu ở vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến.

Từ khóa: Biên giới, kinh tế dược liệu, Quảng Nam, Tây Giang, Nam Giang

The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province

Abstract: The land border area of Quang Nam province, comprising Tay Giang and Nam Giang districts adjacent to Sekong province (Lao People's Democratic Republic), not only plays a strategic role in national defense and security but also holds great potential for the development of agroforestry-based economies associated withmedicinal plant cultivation. In recent years, Quang Nam province has introduced several important policies to promote the sustainable development of the medicinal herb sector. However, the actual development of the medicinal herb economy in this border region still faces numerous limitations. This article analyzes the potential and prospects, and current status ofdeveloping the medicinal herb economy in Quang Nam's land border areas. Based on this analysis, it identifies existing challenges, thereby proposing several solutions to promote the future development of this sector.

Keywords: Border region, medicinal herb economy, Quang Nam, Tay Giang, Nam Giang
Ngày nhận bài: 10/1/2025; **Ngày phản biện:** 20/1/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/3/2025

1. Đặt vấn đề

Khu vực biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam bao gồm hai huyện Tây Giang và Nam Giang giáp với tỉnh Sê Kông (CHDCND Lào), không chỉ giữ vai trò chiến lược trong quốc phòng – an ninh mà còn sở hữu tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp gắn với phát triển cây dược liệu. Với đường biên giới dài hơn 157km, địa hình đa dạng, thổ nhưỡng phong phú, khí hậu đặc trưng vùng núi cao với diện tích rừng tự nhiên rộng lớn, khu vực này có thể được xem là "kho tàng xanh" chứa đựng hàng trăm loài dược liệu quý hiếm, trong đó có nhiều loài có giá trị dược tính và kinh tế cao như: sa nhân, ba kích, đẳng sâm, đương quy, lan kim tuyến, hoàng liên,… (Viện Dược liệu, 2016).

Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm từ thiên nhiên ngày càng tăng cao, ngành công nghiệp dược liệu toàn cầu đang phát triển nhanh chóng. Quy mô thị trường dược liệu thế giới được dự báo đạt hơn 386 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng trung bình 11%/năm trong giai đoạn 2023 - 2032 (Market Research Future, 2023). Tại Việt Nam, nhu cầu sử dụng dược liệu làm thuốc ước tính khoảng 60.000–80.000 tấn/năm, nhưng khả năng cung ứng trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 30%, phần lớn còn phải nhập khẩu (Bộ NN&PTNT, 2023). Điều này mở ra cơ hội rất lớn để tỉnh Quảng Nam khẳng định vị thế của một

vùng dược liệu trọng điểm quốc gia. Có thể thấy, phát triển cây dược liệu được xem là hướng đi phù hợp với điều kiện tự nhiên, truyền thống văn hóa và khả năng sản xuất của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng biên giới tỉnh Quảng Nam. Trong bối cảnh sự phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ tại vùng biên giới còn nhiều hạn chế, thì cây dược liệu đã và đang trở thành một trong những sinh kế quan trọng, tạo thu nhập bền vững, góp phần xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương. Theo đó, chuyển đổi sang trồng cây dược liệu góp phần nâng cao thu nhập rõ rệt cho nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số, mức thu nhập cao gấp nhiều lần so với trồng keo hoặc lúa rẫy truyền thống (VOV, 2021). Nhiều hộ gia đình địa phương đã thoát nghèo, vươn lên khá giả nhờ trồng dược liệu (T.Nhân & H.Trường, 2024; Tuyết Lê, 2025). Có thể nói, với giá trị kinh tế cao, chu kỳ sản xuất linh hoạt và phù hợp với phương thức canh tác truyền thống, cây dược liệu không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn giúp người dân địa phương gìn giữ và phát huy tri thức bản địa, gắn kết chặt chẽ với y học cổ truyền và văn hóa cộng đồng. Đặc biệt, mô hình "lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng" hiện đang triển khai ở khu vực này cho thấy đây là hướng phát triển lâm nghiệp bền vững, giảm áp lực lên tài nguyên rừng so với khai thác gỗ trước đây.

Thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm phát triển ngành dược liệu theo hướng bền vững. Trong đó, Nghị quyết số 48/NQ-HĐND về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019 – 2025, đã xác định phát triển cây dược liệu là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới giai đoạn 2019–2025; Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018–2025, định hướng đến năm 2030, nhấn mạnh việc bảo tồn và phát triển bền vững các loài cây dược liệu quý, đồng thời hình thành các vùng trồng dược liệu ổn định, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị và thu nhập cho người dân; đặc biệt, Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển và hình thành Trung tâm công nghiệp dược liệu tại tỉnh Quảng Nam, lấy Sâm Ngọc Linh làm cây chủ lực, là bước ngoặt chiến lược đưa Quảng Nam trở thành đầu tàu công nghiệp dược liệu của cả nước, với chuỗi hoạt động khép kín từ nghiên cứu, trồng trọt, chế biến đến thương mại hóa sản phẩm.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển kinh tế dược liệu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam vẫn còn nhiều bất cập. Thứ nhất, sản xuất cây dược liệu còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch vùng nguyên liệu bài bản và bền vững. Thứ hai, liên kết giữa "bốn nhà" (nhà nước – nhà nông – nhà khoa học – nhà doanh nghiệp) chưa chặt chẽ, nhiều hộ dân chưa được tiếp cận kỹ thuật canh tác, thu hái, bảo quản theo tiêu chuẩn GACP-WHO. Thứ ba, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, giá cả bấp bênh, một số doanh nghiệp liên kết chưa đảm bảo cam kết, gây thiệt hại cho người dân. Cuối cùng, công nghiệp chế biến dược liệu tại chỗ còn yếu, chưa hình thành được chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ vùng nguyên liệu đến sản phẩm hàng hóa cuối cùng.

Bài viết này tập trung phân tích tiềm năng, triển vọng và thực trạng phát triển kinh tế dược liệu tại vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam,. Trên cơ sở đó, nhận định các vấn đề đặt ra và gợi mở một số giải pháp phát triển kinh tế dược liệu ở vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến.

2. Thực trạng phát triển kinh tế dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

2.1. Khái quát vùng biên giới tỉnh Quảng Nam

Tỉnh Quảng Nam có đường biên giới đất liền quốc gia dài khoảng 157 km, tiếp giáp tỉnh Sê Kông (CHDCND Lào), gồm hai huyện biên giới là Tây Giang và Nam Giang. Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng – an ninh, đồng thời là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số Cơ Tu và Gié Triêng. Vùng biên giới là vùng núi cao hiểm trở, rừng nguyên sinh bao phủ lớn, địa hình chia cắt, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, nhưng lại sở hữu hệ sinh thái rừng quý hiếm, nguồn gen đa dạng và tiềm năng lớn về dược liệu bản địa. Tây Giang là huyện miền núi biên giới nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Quảng Nam, tiếp giáp với 2 huyện Nam Giang và Đông Giang, có đường biên giới dài hơn 64 km, với 10 xã, trong đó có 5 xã vùng cao giáp biên như A

Xan, Tr'Hy, Ch'Ơm, Dang, Gari. Độ cao trung bình từ 800 – 1.500m, khí hậu mát mẻ quanh năm. Thổ nhưỡng chủ yếu là đất feralit trên đá axít, rất thích hợp cho các loài cây dược liệu bản địa (UBND tỉnh Quảng Nam, 2022). Là nơi bảo tồn được nhiều loài dược liệu quý, đặc biệt là đẳng sâm, ba kích tím, lan kim tuyến, hà thủ ô đỏ,… Tây Giang là địa phương đi đầu trong quy hoạch phát triển cây dược liệu hữu cơ dưới tán rừng. Huyện Nam Giang nằm phía Tây Nam tỉnh Quảng Nam, có đường biên giới dài 93 km, tiếp giáp các huyện Tây Giang, Phước Sơn và tỉnh Sê Kông (CHDCND Lào). Đây là huyện có diện tích tự nhiên lớn, địa hình cao – dốc, hệ thống sông suối nhiều, nhưng giao thông còn khó khăn.Trên địa bàn vùng biên giới tỉnh Quảng Nam có hai cửa khẩu biên giới. Trong đó, cửa khẩu Nam Giang - Đắc Tà Ọoc được đầu tư, nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu phụ Tây Giang - Kà Lừm thuộc thôn Ch'Noc, xã Ch'Ơm, huyện Tây Giang đã tạo thuận lợi và mở ra con đường ngắn nhất cho việc thông thương, trao đổi hàng hóa giữa tỉnh Quảng Nam và các tỉnh miền Trung Việt Nam với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Đông Bắc Campuchia.

Tuy nhiên, hiện nay vùng biên giới tỉnh Quảng Nam còn chậm phát triển, đời sống người dân địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Theo UBND tỉnh Quảng Nam (2022), thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đối với các xã biên giới chỉ đạt 20,80 triệu đồng/năm; trong đó, huyện Tây Giang là 23,60 triệu đồng/năm, huyện Nam Giang là 18 triệu đồng/năm. Đến cuối năm 2024, huyện Tây Giang có 2.468 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 43,16%; huyện Nam Giang có 1.961 hộ nghèo, tỷ lệ 25,76% (UBND tỉnh Quảng Nam, 2024).

2.2. Tiềm năng dược liệu vùng biên giới tỉnh Quảng Nam

Tỉnh Quảng Nam được xem là một trong những địa phương có tiềm năng to lớn trong phát triển cây dược liệu nhờ vào sự đa dạng sinh học, địa hình và khí hậu phong phú, đồng thời có nhiều nguồn tài nguyên rừng quý giá. Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên 1.057.474 ha, trong đó rừng và đất lâm nghiệp chiếm hơn 70% (729.756,8 ha), là kho tàng sinh học phong phú phù hợp để phát triển cây dược liệu tự nhiên và trồng mới. Theo Đề án "Phát triển và hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu tại tỉnh Quảng Nam với Sâm Ngọc Linh là cây chủ lực" của UBND tỉnh Quảng Nam (2025), tổng số loài thực vật làm thuốc tại Quảng Nam được ghi nhận là 832 loài, 593 chi, 190 họ, trong đó có 36 loài được xếp vào Sách đỏ Việt Nam. Đáng chú ý có nhiều loài chỉ tồn tại ở khu vực Trung Trung Bộ như sâm Ngọc Linh, quế Trà My, ba kích, đẳng sâm, sa nhân tím, lan kim tuyến,... Nguồn dược liệu phần lớn đến từ khai thác tự nhiên, tập trung tại các huyện miền núi cao như Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn,... Tuy nhiên, nguồn cung tự nhiên đang dần cạn kiệt do khai thác mất kiểm soát, đặc biệt do hoạt động thu mua tự do của thương lái nước ngoài.

Vùng biên giới Quảng Nam gồm hai huyện Nam Giang và Tây Giang có vai trò đặc biệt trong phát triển dược liệu nhờ điều kiện tự nhiên, vùng cư ngụ chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số và vị trí giáp nước CHDCND Lào. Trong tổng số 55.206 ha quy hoạch cây dược liệu tại tiểu vùng núi cao, hai huyện Nam Giang và Tây Giang quy hoạch 20.507 ha, chiếm 37,1% tiểu vùng núi cao và 32% tổng diện tích quy hoạch cây dược liệu toàn tỉnh (UBND tỉnh Quảng Nam, 2018). Trong đó, các huyện Tây Giang và Nam Giang có tiềm năng các loài dược liệu chủ lực như ba kích, đẳng sâm, sa nhân tím, lan kim tuyến. Đặc biệt, các mô hình trồng ba kích và đẳng sâm tại Tây Giang và Nam Giang đã giúp nhiều hộ dân địa phương tăng thu nhập gấp 3–5 lần so với trồng cây truyền thống, góp phần cải thiện sinh kế, giảm nghèo bền vững tại khu vực biên giới.

2.3. Thực trạng khai thác, trồng và canh tác dược liệu

Nguồn tài nguyên dược liệu ở vùng biên giới Quảng Nam hiện nay chủ yếu vẫn dựa vào khai thác tự nhiên. Từ lâu, người dân địa phương đã có tập quán đi rừng thu hái các loài cây thuốc để sử dụng và trao đổi. Theo UBND huyện Nam Giang, trong giai đoạn 2016–2019, mỗi năm người dân địa phương khai thác khoảng 100 tấn sâm cau đỏ, 900 tấn mây, 4.500 lít mật ong, 30 tấn sa nhân, 2 tấn nấm lim xanh, 5 tấn chuối rừng và 300 tấn hạt ươi cùng nhiều dược liệu khác (Bích Liên, 2019a). Đây đều là những lâm sản ngoài gỗ và cây thuốc có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, do phụ thuộc khai thác tự nhiên nên sản lượng không ổn định và có nguy cơ cạn kiệt. Thực tế, trước năm 2020, việc trồng dược liệu ở vùng biên giới còn manh mún, tự phát, chủ yếu dựa vào cây

mọc hoang tái sinh, chưa hình thành vùng trồng tập trung. Một số loài quý như sâm bảy lá một hoa, lan kim tuyến từng đứng trước nguy cơ suy giảm nghiêm trọng do bị khai thác bừa bãi (Lan Anh, 2024). Việc quản lý bảo vệ nguồn gen dược liệu gặp nhiều khó khăn do địa bàn rừng núi rộng, dân cư thưa thớt và đời sống người dân còn nghèo khó (Bích Liên, 2019b).

Trước thực trạng đó, chính quyền địa phương đã bắt đầu triển khai các dự án hỗ trợ người dân chuyển đổi sang trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Huyện Tây Giang là địa phương tiên phong: từ năm 2003, huyện đã quy hoạch diện tích trồng dược liệu và ban hành chính sách khuyến khích đồng bào phát triển cây thuốc. Tận dụng đất rừng, đồi núi sẵn có, người dân Tây Giang đã trồng hàng trăm hecta cây dược liệu như ba kích, đẳng sâm, sa nhân… dưới tán rừng. Đặc biệt, đẳng sâm (Codonopsis javanica, còn gọi "sâm dây") – loài cây thuốc quen thuộc với đồng bào Cơ Tu – được trồng rất phổ biến và đã trở thành cây trồng chủ lực ở Tây Giang. Nhờ chính sách hỗ trợ giống từ Chương trình 30a, 135, xây dựng nông thôn mới và Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND của tỉnh về bảo tồn, phát triển dược liệu, đến nay Tây Giang đã phát triển gần 1.200 ha cây dược liệu, chủ yếu là đẳng sâm và ba kích (Tuyết Lê, 2025). Tương tự, huyện Nam Giang giai đoạn 2017–2018 cũng đã hỗ trợ giống cho 122 hộ gia đình và 38 nhóm hộ tại các xã biên giới để trồng mới khoảng 55 ha dược liệu (ba kích, đẳng sâm, sa nhân). Ngoài ra, từ các nguồn vốn lồng ghép khác, Nam Giang tiếp tục cấp thêm cây giống dược liệu phục vụ mục tiêu bảo tồn và trồng dưới tán rừng (Bích Liên, 2019a). Nhờ đó, bước đầu ở các xã như Chơ Chun, La Dêê, Zuôih… đã hình thành những mô hình trồng ba kích tím dưới tán rừng quy mô hộ gia đình (1–2 ha mỗi hộ).

Kết quả bước đầu cho thấy trồng dược liệu dưới tán rừng là hướng đi hiệu quả hơn hẳn so với trồng keo hay làm nương rẫy truyền thống. Nhiều hộ ở Tây Giang đã mạnh dạn chuyển một phần diện tích đất rẫy từ trồng keo sang trồng đẳng sâm, ba kích và thu được thu nhập khá tốt (Tuyết Lê, 2025). Nhờ đó, người dân địa phương đã dần tin tưởng vào hiệu quả của mô hình kinh tế dược liệu và hăng hái tham gia mở rộng diện tích. Mặc dù vậy, thực trạng canh tác dược liệu vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Tỷ lệ cây giống sống sót chưa cao, đặc biệt với mô hình trồng dưới tán rừng ở Nam Giang. Nguyên nhân có thể do kỹ thuật chăm sóc hạn chế và không phù hợp với tiểu khí hậu. Ngoài ra, huyện Nam Giang chưa có vườn ươm giống và vườn bảo tồn các loài dược liệu bản địa, dẫn đến nguồn cây giống phụ thuộc bên ngoài, không đảm bảo chất lượng và thời vụ gieo trồng. Bên cạnh đó, địa phương cũng chưa điều tra, đánh giá đầy đủ phân bố các loài dược liệu để xác định cây chủ lực, dẫn đến lúng túng trong định hướng phát triển cây dược liệu phù hợp (Bích Liên, 2019a, 2019b).

Bảng 1: Diện tích sản xuất dược liệu vùng biên giới tỉnh Quảng Nam

Huyện	Tổng diện tích dược liệu (ha)	Tỷ trọng so với tiểu vùng núi cao (%)
Tây Giang	567	87,0
Nam Giang	85	13,0
Vùng biên giới	652	10,4
Tiểu vùng núi cao	6.243	100

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam)

Nhìn chung, diện tích trồng dược liệu ở vùng biên giới Quảng Nam còn khá khiêm tốn so với tiềm năng. Bảng 1 cho thấy, tổng diện tích dược liệu tại các huyện Tây Giang và Nam Giang đạt 652 ha, chỉ chiếm khoảng 10,4% tổng diện tích của toàn tiểu vùng núi cao (gồm 6 huyện). Trong đó, riêng huyện Tây Giang đã chiếm hơn 87% diện tích dược liệu của cả vùng biên giới, thể hiện vai trò dẫn đầu trong phát triển dược liệu vùng biên giới của tỉnh Quảng Nam. Bảng 2 cho thấy, Tây Giang sở hữu diện tích trồng ba kích (149 ha) và đẳng sâm (393 ha) rất lớn, vượt trội hoàn toàn so với Nam Giang chỉ có 30 ha ba kích và 10 ha đẳng sâm. Trong khi đó, Nam Giang lại có lợi thế tương đối trong phát triển cây sa nhân tím (25 ha) so với Tây Giang (10 ha). Sự khác biệt này đến từ định hướng phát triển cây chủ lực và mức độ hỗ trợ từ chính quyền địa phương cũng như doanh nghiệp. Nói cách khác, Tây Giang là "thủ phủ" của đẳng sâm và ba kích tím, với lợi thế địa hình, khí hậu và tri thức bản địa của người Cơ Tu. Trong khi đó, Nam Giang có nhiều diện tích rừng già, có thể phát triển sa nhân tím, lan kim tuyến, các loài dược liệu hoang dã. Theo quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018 - 2025, định

hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 301/QĐ-UBND, dư địa để mở rộng quy mô trồng dược liệu dưới tán rừng ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam còn rất lớn, quy hoạch cây dược liệu tại huyện Nam Giang và Tây Giang chiếm đến 48,33% tổng diện tích quy hoạch dược liệu toàn tỉnh.

Bảng 2: Diện tích sản xuất các loài cây dược liệu vùng biên giới tỉnh Quảng Nam

Loại dược liệu	Tây Giang (ha)	Nam Giang (ha)	Tổng tiểu vùng (ha)	Tỷ trọng vùng biên giới (%)
Ba kích	149	30	247	72,5
Đẳng sâm	393	10	578	69,7
Sa nhân	10	25	174,2	20,1
Đương quy	0	0	150	0,0
Giảo cổ lam	9	0	93	9,7
Lan kim tuyến	0	0	100	0,0
Sâm Ngọc Linh	1	0	71,4	1,4
Đinh lăng	0	0	5	0,0
Quế	0	0	3.749,4	0,0
Cây khác	5	20	1.075	2,3

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam)

2.4. Tình hình chế biến và tiêu thụ cây dược liệu

Trước đây, cây dược liệu do người dân biên giới Quảng Nam thu hái hoặc trồng được hầu như chỉ tiêu thụ dưới dạng thô. Các sản phẩm như củ ba kích, đẳng sâm, sa nhân, nấm lim,… thường được bán tươi hoặc sơ chế đơn giản (rửa sạch, phơi khô) rồi bán cho thương lái địa phương. Người dân hầu như không tự chế biến sâu vì thiếu kỹ thuật và thị trường, thường chỉ sử dụng một phần nhỏ dược liệu để ngâm rượu hoặc làm thuốc nam trong phạm vi gia đình. Đầu ra chủ yếu phụ thuộc tư thương nên giá cả bấp bênh, nhiều khi bị ép giá (Tuyết Lê, 2025). Do thiếu doanh nghiệp thu mua trực tiếp, dược liệu ở vùng cao thường được thu gom qua nhiều khâu trung gian và bán về đồng bằng hoặc xuất sang Trung Quốc dưới dạng nguyên liệu thô, giá trị gia tăng thấp.

Nhận thức được hạn chế đó, tỉnh Quảng Nam và chính quyền các huyện đã thúc đẩy thành lập các hợp tác xã (HTX) dược liệu và hỗ trợ xây dựng sản phẩm chế biến từ dược liệu. Tại Tây Giang, đến năm 2023 đã có khoảng 10 HTX và 50 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực trồng và chế biến dược liệu, giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động thường xuyên và hàng ngàn lao động thời vụ (Phương Lâm, 2023). Các HTX tiêu biểu như HTX Nông nghiệp Dược liệu Tây Giang, HTX Dược liệu Ch'Ơm, HTX Thiên Bình… đã liên kết với người dân thu mua củ đẳng sâm, ba kích, táo mèo để chế biến thành nhiều sản phẩm hàng hóa. Nhiều sản phẩm mới đã qua chế biến bước đầu khẳng định giá trị trên thị trường như: trà túi lọc đẳng sâm, cao đẳng sâm, rượu ba kích, siro táo mèo, mật ong sâm… Như vậy, nhờ chú trọng chế biến sâu, giá trị kinh tế của cây dược liệu vùng biên giới được nâng cao rõ rệt, mục đích sử dụng dược liệu đa dạng hơn và thị trường tiêu thụ được mở rộng (Nhật Minh, 2023). Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh Quảng Nam đã có 18 sản phẩm thảo dược OCOP (Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm") được công nhận. Riêng huyện Tây Giang có 3 sản phẩm OCOP 4 sao cấp tỉnh được chế biến từ đẳng sâm: gồm trà túi lọc, rượu và cao đẳng sâm do HTX Nông nghiệp Dược liệu Tây Giang sản xuất. Các sản phẩm này bước đầu đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường nội địa, một số sản phẩm của Tây Giang hiện đã đạt chứng nhận OCOP 3 sao, hướng tới nâng cấp 4 sao trong thời gian tới, nhờ quy trình sản xuất được giám sát chặt chẽ bảo đảm chất lượng (Lan Anh, 2024).

Mặc dù đã có những tín hiệu tích cực, khâu chế biến và tiêu thụ dược liệu vùng biên giới vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Trước hết, quy mô chế biến còn nhỏ lẻ, mang tính thủ công tại các HTX, chưa có nhà máy chế biến hiện đại nào đặt tại khu vực biên giới. Các sản phẩm chế biến chủ yếu phục vụ thị trường trong tỉnh; việc mở rộng kênh tiêu thụ ra ngoài địa phương còn hạn chế do thiếu chứng nhận chất lượng và chưa có thương hiệu mạnh. Chẳng hạn, trà và cao đẳng sâm Tây Giang tuy được đánh giá cao nhưng sản lượng còn ít, thị trường tiêu thụ hẹp. Việc quảng

bá, tiếp cận thị trường lớn (như các công ty dược, chuỗi cửa hàng đông y ở đô thị) gặp trở ngại về khâu đăng ký tiêu chuẩn, quy trình sản xuất, bao bì nhãn mác và cạnh tranh với sản phẩm cùng loại từ nơi khác. Mặt khác, một số sản phẩm dược liệu sơ chế của người dân (như ba kích, sa nhân khô) vẫn chủ yếu bán thô, chưa chế biến thành dạng tiện dụng nên giá trị kinh tế thấp. Chuỗi cung ứng dược liệu nhìn chung chưa hoàn chỉnh: người dân tự trồng và thu hái, sau đó bán cho HTX hoặc thương lái; HTX chế biến xong lại gặp khó khăn trong tìm kiếm thị trường đầu ra. Đặc biệt, sự thiếu vắng các doanh nghiệp quy mô lớn tham gia vào chuỗi khiến khả năng tiếp cận thị trường tiêu thụ quy mô lớn của các sản phẩm dược liệu vùng biên giới còn nhiều hạn chế.

Tỉnh Quảng Nam đã có một số nỗ lực kết nối thị trường tiêu thụ dược liệu cho các huyện miền núi như tổ chức các hội chợ, lễ hội sâm và dược liệu hằng năm ở huyện Nam Trà My (với sản phẩm sâm Ngọc Linh) thu hút thương nhân và du khách thập phương; đưa các sản phẩm đặc trưng miền núi (quế Trà My, sâm Ngọc Linh, đẳng sâm…) tham gia hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, địa phương cũng khuyến khích lồng ghép phát triển du lịch sinh thái dược liệu: ví dụ hình thành các tuyến tham quan vườn sâm, vườn dược liệu kết hợp du lịch văn hóa ở Nam Trà My, Tây Giang. Tuy nhiên, tại vùng biên giới Nam Giang, Tây Giang, loại hình du lịch dược liệu còn mới mẻ và hạ tầng dịch vụ gần như chưa có. Do đó, tiêu thụ sản phẩm dược liệu nơi đây hiện vẫn phụ thuộc chính vào kênh bán hàng truyền thống (HTX, thương lái). Việc phát triển thị trường cần thêm thời gian và sự hỗ trợ từ phía tỉnh để các sản phẩm dược liệu vùng biên thực sự đứng vững và vươn xa.

3. Vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền

Thứ nhất, nguy cơ suy giảm nguồn dược liệu tự nhiên. Nguồn tài nguyên dược liệu quý ở rừng tự nhiên hiện vẫn đang bị khai thác quá mức. Nhiều loài có giá trị (lan kim tuyến, sâm bảy lá một hoa, sa nhân,…) có nguy cơ cạn kiệt nếu không kiểm soát tốt việc thu hái. Ý thức bảo vệ dược liệu quý của một bộ phận người dân chưa cao, còn hiện tượng khai thác bừa bãi bán cho tư thương với giá rẻ. Công tác quản lý rừng cộng đồng gặp khó khăn do địa hình hiểm trở, thiếu nhân lực kiểm lâm. Nếu không có biện pháp bảo tồn kịp thời, chính lợi thế "kho báu dược liệu" của vùng biên giới sẽ sớm bị mai một.

Thứ hai, hạn chế về nguồn giống và kỹ thuật canh tác. Hiện nay, việc chủ động sản xuất cây giống dược liệu tại chỗ gần như chưa đảm bảo yêu cầu. Người dân phụ thuộc vào cây con khai thác từ rừng (như đào cây giống ba kích, sâm cau từ rừng về trồng) hoặc nguồn giống từ nơi khác đưa tới, dẫn đến rủi ro cây không phù hợp thổ nhưỡng bản địa. Chưa có trung tâm hay vườn ươm quy mô, chất lượng để cung cấp giống đảm bảo chất lượng cho các loài dược liệu chủ lực. Về kỹ thuật, đa số hộ trồng dược liệu còn canh tác theo kinh nghiệm, thiếu kiến thức khoa học về trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế dược liệu. Nhiều hộ dân chưa nắm rõ yêu cầu sinh thái của cây (độ ẩm, ánh sáng, đất, nước…), dẫn đến tỷ lệ cây chết cao như trường hợp trồng cây ba kích ở Nam Giang. Việc chăm sóc sau trồng cũng bị buông lỏng do tập quán quen dựa vào tự nhiên "trời sinh trời dưỡng" – ví dụ cây ba kích trồng xong hầu như bị thả mặc, không làm cỏ hay bón phân nên sinh trưởng kém. Hạn chế về giống và kỹ thuật khiến năng suất, sản lượng dược liệu trồng chưa tương xứng với tiềm năng và công sức bỏ ra.

Thứ ba, chưa xác định được cây dược liệu mũi nhọn và quy hoạch vùng trồng hợp lý cho từng khu vực biên giới. Mặc dù quy hoạch cây dược liệu của tỉnh Quảng Nam đã xác định diện tích quy hoạch cho nhiều loài dược liệu cho Nam Giang (như ba kích: 12.555 ha; đẳng sâm: 6.578 ha;…), nhưng trên thực tế địa phương vẫn chưa lựa chọn được loài cây chủ lực hiệu quả để tập trung phát triển. Chẳng hạn, huyện Tây Giang đã chứng minh được tiềm năng, lợi thế với cây đẳng sâm, ba kích, trong khi đó huyện Nam Giang hiện đang loay hoay giữa các cây sa nhân, ba kích, đẳng sâm, đinh lăng,… Đến nay, vùng trồng tập trung quy mô lớn chưa hình thành tại Nam Giang; mỗi xã trồng một ít loại cây nên khó tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa ổn định. Mặt khác, một số vùng có điều kiện tốt trong trồng cây dược liệu (như xã Zuôih cao 1500m, rất hợp sâm và thảo dược) song lại chưa được khai thác do thiếu đường giao thông hoặc thiếu các dự án cụ thể. Công tác quy hoạch vùng dược liệu gắn với vùng sinh thái, vùng đồng bào DTTS còn chậm, chưa theo kịp Đề án chung của tỉnh.

Thứ tư, thị trường tiêu thụ còn thiếu ổn định, thiếu liên kết chuỗi. Do đầu ra cho dược liệu vùng biên giới phần lớn phụ thuộc vào thu mua của tư thương, nên người dân địa phương thiếu kênh tiêu thụ ổn định, có hiện tượng khi được mùa thì mất giá; lúc khan hiếm, giá tăng cao nhưng không có hàng để bán. Các HTX địa phương dù cố gắng bao tiêu sản phẩm cho xã viên nhưng năng lực tài chính có hạn, không thể thu mua hết số lượng lớn nếu thu hoạch đồng loạt. Doanh nghiệp lớn hầu như không tham gia thu mua tại vùng biên giới, do đó chuỗi giá trị dược liệu bị đứt gãy ở khâu thị trường. Người trồng không yên tâm mở rộng diện tích vì sợ "được mùa mất giá". Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp dược liệu quy mô lớn cũng e ngại đầu tư vào đây do sản lượng nhỏ lẻ, không đủ đáp ứng sản xuất công nghiệp theo quy chuẩn của Bộ Y tế. Liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp còn lỏng lẻo – mới dừng ở vài biên bản ghi nhớ, chưa có hợp đồng bao tiêu dài hạn nào. Điều này đòi hỏi phải có giải pháp kết nối thị trường mạnh mẽ hơn.

Thứ năm, năng lực chế biến sâu dược liệu tại vùng biên giới còn yếu. Hiện các sản phẩm chế biến từ dược liệu vùng biên giới chủ yếu do các HTX quy mô nhỏ thực hiện, thiếu máy móc hiện đại và công nghệ chế biến đạt chuẩn. Hiện tại, vùng biên giới chưa có cơ sở chế biến nào đạt tiêu chuẩn GMP-WHO hay tương đương để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng từ dược liệu. Hàm lượng khoa học – công nghệ trong các sản phẩm dược liệu còn thấp như: chưa chiết xuất được hoạt chất để làm thuốc, đa phần mới dừng ở dạng thức sản phẩm truyền thống (rượu ngâm, trà, cao đặc, rễ khô). Bao bì, mẫu mã sản phẩm dược liệu cũng còn đơn giản, chưa hấp dẫn người tiêu dùng cao cấp, gồm cả các sản phẩm OCOP. Nhìn chung, khâu chế biến yếu khiến giá trị dược liệu chưa được nâng cao, người dân chưa hưởng lợi xứng đáng từ công sức trồng cây thuốc. Đây là điểm nghẽn về công nghiệp chế biến cần tháo gỡ để kinh tế dược liệu vùng biên giới cất cánh.

Thứ sáu, hạn chế về vốn đầu tư và cơ chế chính sách đặc thù. Đa phần các hộ trồng dược liệu là người dân tộc thiểu số, nguồn vốn tự có thấp, thường phải trông chờ vào hỗ trợ nhà nước hoặc vay ngân hàng. Trong khi đó, chu kỳ trồng cây thuốc thường dài (2–3 năm mới thu hoạch) nên việc vay vốn thương mại gặp nhiều khó khăn do tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hiện các chính sách hỗ trợ của tỉnh Quảng Nam (như Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND) chủ yếu mới hỗ trợ giống ban đầu, mức hỗ trợ còn hạn chế (vài triệu đồng/sào) (Bích Liên, 2019a). Người dân thiếu vốn đầu tư chăm sóc dài hạn, do đó thường dễ bỏ bê vườn cây. Mặt khác, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực dược liệu ở vùng biên giới chưa thực sự hấp dẫn. Các doanh nghiệp vẫn e ngại vì cơ sở hạ tầng còn yếu, thủ tục và tính pháp lý trong liên kết với cộng đồng còn yếu, chưa rõ ràng. Các địa phương cũng chưa có cơ chế đặc thù để mời gọi nhà đầu tư chiến lược (ví dụ thuê đất rừng trồng dược liệu dài hạn, ưu đãi thuế cho nhà máy chế biến đặt tại vùng cao,…). Việc phối hợp liên ngành (nông nghiệp, y tế, khoa học công nghệ, công thương) trong phát triển dược liệu còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến một số vướng mắc trong công tác quản lý. Chẳng hạn, việc kiểm soát chất lượng dược liệu lưu thông gặp khó do chưa có trung tâm kiểm nghiệm tại vùng; hay vấn đề cấp phép khai thác cây thuốc rừng chưa được quy định rõ ràng, gây lúng túng cho cả cơ quan quản lý và người dân.

4. Một số giải pháp phát triển kinh tế dược liệu nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới đất liền

Một là, nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân về phát triển dược liệu. Đây cần được xác định là giải pháp nền tảng. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số hiểu rõ lợi ích kinh tế - xã hội – môi trường của việc trồng cây dược liệu, gắn phát triển dược liệu với bảo vệ rừng và giữ gìn bản sắc văn hóa. Chính quyền và đoàn thể địa phương nên tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái và sơ chế dược liệu cho người dân. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật (theo quy trình GACP-WHO – Thực hành tốt trồng và thu hái dược liệu) cần được biên soạn bằng ngôn ngữ đơn giản, trực quan để bà con dễ tiếp thu. Ưu tiên đào tạo "cầm tay chỉ việc" thông qua mô hình trình diễn ngay tại thôn bản. Bên cạnh kiến thức hiện đại, cũng cần khôi phục và truyền dạy tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc cho thế hệ trẻ (như cách đồng bào sử dụng bài thuốc gia truyền). Khi nhận thức được nâng cao, người dân sẽ chủ động tham gia và coi trồng dược liệu là nghề sản xuất chính thay vì hoạt động phụ.

Hai là, hoàn thiện quy hoạch và đầu tư hạ tầng cho vùng dược liệu. Trên cơ sở quy hoạch dược liệu tỉnh Quảng Nam, cần cụ thể hóa quy hoạch vùng trồng dược liệu cho từng huyện biên giới, xác định cây chủ lực phù hợp với mỗi tiểu vùng sinh thái. Chẳng hạn, Tây Giang tập trung phát triển vùng đẳng sâm dưới tán rừng ở các xã giáp ranh vườn quốc gia; Nam Giang tập trung ba kích và sa nhân bản địa tại các xã biên giới La Dêê, Chơ Chun,… Quy hoạch cần tính đến thị trường tiêu thụ và lợi thế so sánh, tránh trồng tràn lan rồi không bán được. Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất dược liệu: ưu tiên làm đường giao thông vào vùng trồng, kéo điện tới các cơ sở chế biến, xây dựng kho bãi bảo quản. Tại khu vực biên giới, cần thiết quy hoạch hình thành cụm công nghiệp chế biến dược liệu quy mô vừa và nhỏ, có nhà xưởng đạt chuẩn để doanh nghiệp yên tâm đầu tư. Việc có hạ tầng đồng bộ sẽ tạo nền tảng thu hút các dự án và gắn kết các khâu trong chuỗi giá trị dược liệu.

Ba là, thiết kế chính sách thu hút doanh nghiệp và liên kết "5 nhà". Để phát triển bền vững, không thể thiếu vai trò của doanh nghiệp trong chuỗi dược liệu vùng biên. Tỉnh Quảng Nam cần có chính sách ưu đãi vượt trội để mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào vùng biên giới: như ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng, cơ chế cho thuê đất lâm nghiệp dài hạn để trồng dược liệu kết hợp du lịch sinh thái,….; khuyến khích các doanh nghiệp dược phẩm, doanh nghiệp đông dược ký kết hợp đồng liên kết với HTX và các hộ dân ("liên kết 5 nhà": Nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông - ngân hàng). Trong đó, doanh nghiệp cung cấp giống, kỹ thuật, vật tư đầu vào và bao tiêu đầu ra; người dân góp đất và công chăm sóc. Mô hình liên kết cần được thiết kế chặt chẽ, ràng buộc trách nhiệm các bên theo hợp đồng bao tiêu dài hạn, có sự giám sát của chính quyền. Bên cạnh đó, tranh thủ nguồn lực từ Chương trình MTQG 1719 và các chương trình giảm nghèo để hỗ trợ vốn cho mô hình liên kết chuỗi (ví dụ hỗ trợ máy móc chế biến cho HTX, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư vùng trồng). Chính quyền cần đóng vai trò "bà đỡ" kết nối đối tác, bảo lãnh tín dụng và giải quyết tranh chấp hợp đồng nếu có, nhằm đảm bảo liên kết được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả lâu dài.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và đa dạng hóa sản phẩm dược liệu vùng biên giới. Nâng cao hàm lượng khoa học – công nghệ trong chuỗi giá trị dược liệu để tăng tính cạnh tranh. Cụ thể, tỉnh nên đầu tư hoặc kêu gọi dự án xây dựng trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống dược liệu công nghệ cao, đặt tại vùng núi (có thể tại Nam Giang - nơi đa dạng loài, có nhiều tiềm năng dược liệu). Trung tâm này vừa lưu giữ nguồn gen, sản xuất cây giống chất lượng, vừa nghiên cứu chiết xuất hoạt chất và chuyển giao quy trình chế biến hiện đại. Hợp tác với các viện dược liệu, trường đại học để nghiên cứu sản phẩm mới từ cây thuốc bản địa (như tinh dầu sa nhân, viên nang chiết xuất đẳng sâm,…). Đồng thời, hỗ trợ các HTX đổi mới thiết bị, áp dụng máy móc trong sơ chế, đóng gói (máy sấy lạnh, máy nghiền dược liệu, máy đóng trà túi lọc…). Khuyến khích các cơ sở tại địa phương đa dạng hóa sản phẩm dược liệu: không chỉ làm thuốc, có thể phát triển dòng sản phẩm thực phẩm chức năng, mỹ phẩm thiên nhiên (xà phòng, tinh dầu, trà thảo mộc đóng chai…).Mỗi HTX nên có ít nhất một sản phẩm chế biến độc đáo gắn với câu chuyện địa phương để tăng sức hút thị trường. Đặc biệt, địa phương cần chú trọng xây dựng và đăng ký nhãn hiệu tập thể cho các đặc sản dược liệu vùng biên giới (ví dụ "Đẳng sâm Tây Giang", "Ba kích Nam Giang", "Sa nhân Nam Giang",…) làm cơ sở để bảo hộ và phát triển thương hiệu. Đa dạng sản phẩm sẽ là giải pháp quan trọng để mở rộng kênh tiêu thụ và gia tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị dược liệu.

Năm là, chú trọng phát triển thị trường và đẩy mạnh xúc tiến thương mại dược liệu. Đây là giải pháp quyết định sự thành bại của kinh tế dược liệu vùng biên giới. Trước mắt, tỉnh Quảng Nam nên hỗ trợ thành lập các điểm giới thiệu và bán sản phẩm dược liệu tại các trung tâm huyện miền núi, các khu du lịch và thành phố Tam Kỳ, Hội An, Đà Nẵng. Tổ chức định kỳ các phiên chợ dược liệu vùng biên giới để người dân, HTX có thể giao lưu, trao đổi và ký kết hợp đồng với thương lái lớn. Tích cực đưa sản phẩm dược liệu địa phương chất lượng tham gia hội chợ trong nước; hỗ trợ kinh phí quảng bá trên các phương tiện truyền thông. Kết nối phát triển du lịch dược liệu: xây dựng tour tham quan vườn dược liệu kết hợp trải nghiệm văn hóa Cơ Tu, Gié-Triêng, qua đó quảng bá sản phẩm dược liệu đặc sắc vùng biên đến du khách. Tỉnh cũng

nên phối hợp Bộ Y tế thúc đẩy việc đưa dược liệu Quảng Nam đạt tiêu chuẩn vào chuỗi cung ứng thuốc y học cổ truyền cho các bệnh viện, phòng khám Đông y trên cả nước – đây là thị trường rất tiềm năng khi nhu cầu dùng thuốc nam ngày càng tăng. Phát triển thương mại điện tử nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dược liệu vùng biên: hỗ trợ các HTX thiết kế website, gian hàng trực tuyến trên sàn giao dịch nông sản, giúp sản phẩm dược liệu vùng biên vượt qua rào cản địa lý để đến tay người tiêu dùng cả nước.

Sáu là, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế dược liệu. Trước hết, địa phương cần ban hành hướng dẫn cụ thể về quy trình canh tác các cây dược liệu chủ lực (theo khuyến cáo của Sở NN&PTNT) để người dân và HTX có căn cứ làm theo. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành (nông nghiệp – y tế – khoa học – công thương) trong quản lý chuỗi dược liệu, từ khâu trồng đến lưu thông sản phẩm. Ví dụ, Sở Y tế hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm; Sở Công Thương hỗ trợ xúc tiến thương mại; Sở NN&PTNT phụ trách khâu sản xuất… Thực hiện giám sát và đánh giá định kỳ các mô hình dược liệu, kịp thời nhân rộng mô hình tốt và chấn chỉnh mô hình kém hiệu quả. Về chính sách, tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 88/QH14 và Chương trình 1719 về phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đảm bảo nguồn lực đầu tư cho dược liệu (tiểu dự án về phát triển dược liệu quý) được giải ngân đúng mục đích. Nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù cho Quảng Nam trong vai trò trung tâm dược liệu miền Trung – Tây Nguyên: có thể đề xuất Chính phủ thí điểm cơ chế ưu đãi đầu tư, thành lập Quỹ phát triển dược liệu để hỗ trợ tín dụng và bảo hiểm nông nghiệp cho người trồng dược liệu. Song song đó, tăng cường bảo vệ nguồn gen: khoanh nuôi, phục hồi các loài quý hiếm trong rừng tự nhiên (như lan gấm, bảy lá một hoa) bằng cách lập khu bảo tồn hoặc trạm dược liệu trên địa bàn Nam Giang, Tây Giang. Việc quản lý tốt tài nguyên sẽ đảm bảo tính bền vững lâu dài cho ngành dược liệu.

5. Kết luận

Vùng biên giới tỉnh Quảng Nam với những cánh rừng già và cộng đồng các dân tộc tại địa phương lưu giữ tri thức cây thuốc là địa bàn giàu tiềm năng để phát triển kinh tế dược liệu. Thực tiễn tại Tây Giang và Nam Giang cho thấy phát triển cây dược liệu dưới tán rừng là hướng đi đúng đắn, mang lại lợi ích "kép": vừa cải thiện sinh kế, giúp nhiều hộ dân thoát nghèo bền vững, vừa bảo tồn nguồn tài nguyên dược liệu quý và bảo vệ môi trường rừng. Sau vài năm triển khai, vùng biên giới Quảng Nam đã hình thành những mô hình trồng, chế biến dược liệu bước đầu hiệu quả, đời sống người dân có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, phát triển kinh tế dược liệu của vùng biên giới tỉnh Quảng Nam còn gặp không ít khó khăn, từ hạn chế nội tại (giống, kỹ thuật, quy mô nhỏ lẻ) đến thách thức ngoại cảnh (thị trường, vốn đầu tư). Bài báo này đã phân tích toàn diện thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới Quảng Nam trong bối cảnh hiện nay. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa Quảng Nam trở thành trung tâm công nghiệp dược liệu của cả nước vào thập niên tới; giúp cải thiện sinh kế cho người dân vùng biên giới, kinh tế – xã hội khu vực biên giới được củng cố, an ninh quốc phòng vững chắc trên nền tảng phát triển bền vững.

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: "Phát triển kinh tế vùng biên giới đất liền của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch trong bối cảnh hiện nay", thuộc Chương trình trọng điểm cấp bộ: "Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay" do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

Tài liệu tham khảo

Bích Liên. (2019a). Nam Giang kiến nghị quan tâm tạo điều kiện phát triển, bảo tồn cây dược liệu. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/nam-giang-kien-nghi-quan-tam-tao-dieu-kien-phat-trien-bao-ton-cay-duoc-lieu-3019567.html, ngày 10/1/2025.

Bích Liên. (2019b). Bảo tồn, phát triển cây dược liệu ở Nam Giang: Chưa tương xứng tiềm năng. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/bao-ton-phat-trien-cay-duoc-lieu-o-nam-giang-chua-tuong-xung-tiem-nang-3019566.html, 10/1/2025.

Bộ NN&PTNT. (2023). *Đề án phát triển cây dược liệu*. Hà Nội.

Lan Anh (2024). Tây Giang (Quảng Nam): Phát triển cây dược liệu hữu cơ từ "kho báu" của rừng. Báo Tài nguyên Môi trường. Truy xuất tại: https://nongnghiepmoitruong.vn/tay-giang-quang-nam-phat-trien-cay-duoc-lieu-huu-co-tu-kho-bau-cua-rung-d726618.html, ngày 10/1/2025.

MRFR. (2023). Herbal medicine market report. Truy xuất tại: https://www.marketresearchfuture.com/reports/herbal-medicine-market-3250, ngày 10/1/2025.

Nhật Minh (2023). Tây Giang (Quảng Nam): Tạo sinh kế bền vững cho đồng bào DTTS từ cây dược liệu. Báo Dân tộc và Phát triển. Truy xuất tại: https://baodantoc.vn/tay-giang-quang-nam-tao-sinh-ke-ben-vung-cho-dong-bao-dtts-tu-cay-duoc-lieu-1700967656343.htm, ngày 10/1/2025.

Phương Lâm. (2023). Bà con Tây Giang – Quảng Nam làm giàu từ cây dược liệu. Truy xuất tại: https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-trong-nuoc/ba-con-tay-giang-quang-nam-lam-giau-tu-cay-duoc-lieu.html, ngày 10/1/2025.

Sở NN&PTNT Quảng Nam. (2023). *Báo cáo phát triển cây dược liệu tỉnh*. Quảng Nam.

Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Nam. (2017). *Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030*. Quảng Nam.

T.Nhân & H.Trường. (2024). Quảng Nam: Hình thành Trung tâm công nghiệp dược liệu, sâm Ngọc Linh là cây chủ lực. Báo Dân tộc và Phát triển. Truy xuất tại: https://baodantoc.vn/quang-nam-ky-vong-tro-thanh-trung-tam-duoc-lieu-ca-nuoc-1723800595796.htm, ngày 10/1/2025.

Tuyết Lê (2025). Trồng cây dược liệu dưới tán rừng, nhiều hộ dân miền núi Quảng Nam thoát nghèo. Truy xuất tại: https://vov.vn/xa-hoi/trong-cay-duoc-lieu-duoi-tan-rung-nhieu-ho-dan-mien-nui-quang-nam-thoat-ngheo-post1157915.vov, ngày 01/3/2025.

UBND tỉnh Quảng Nam. (2018). *Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 22/1/2018 phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030*. Quảng Nam.

UBND tỉnh Quảng Nam. (2022). *Báo cáo số 178/BC-UBND Quảng Nam ngày 22/9/2022 về thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*. Quảng Nam.

UBND tỉnh Quảng Nam. (2024). Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Quảng Nam.

UBND tỉnh Quảng Nam. (2025). *Đề án "Phát triển và hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu tại tỉnh Quảng Nam với Sâm Ngọc Linh là cây chủ lực"*. Quảng Nam.

Viện Dược Liệu. (2016). *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

VOV (2021). Nhiều cây dược liệu giúp nông dân miền núi "đổi đời". Truy xuất tại: https://vov.gov.vn/nhieu-cay-duoc-lieu-giup-nong-dan-mien-nui-doi-doi-dtnew-268289, ngày 10/1/2025.